

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2024/DS-ST

Ngày: 27-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 421/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Duy Q, sinh năm 1997 (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản M1); địa chỉ thường trú: thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: số G ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, bản tự khai ngày 21/11/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Duy Q và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản M1 có địa chỉ tại số G ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre trước đây do ông Huỳnh Tấn S là người đại diện, vào ngày 15/6/2022 giữa ông Huỳnh Tấn S và ông Trần Duy Q có lập Văn bản thỏa thuận là ông Q sẽ nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của ông S với nội dung mọi phát sinh về công nợ sẽ do ông Trần Duy Q toàn quyền giải quyết. Ngày 10/5/2022, ông S có ký hợp đồng mua bán thức ăn

thủy sản nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc thủy sản với ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M, theo số lượng đặt hàng của ông D, bà M. Hai bên thống nhất thỏa thuận đến cuối vụ ông D, bà M phải thanh toán dứt điểm công nợ cho cửa hàng M2. Trong quá trình giao dịch mua bán, ông D và bà M không thực hiện trả tiền nợ như đúng thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết tiền nợ cho cửa hàng M2. Theo bảng đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 02/12/2023 thì ông D và bà M còn nợ cửa hàng M2 số tiền là 40.464.000 đồng. Hiện nay cửa hàng M2 của ông Q không còn mua bán với ông D và bà M. Cửa hàng M2 nhiều lần liên hệ yêu cầu ông D và bà M thanh toán nợ nhưng ông D và bà M không thực hiện và cố tình né tránh.

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Duy Q yêu cầu ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 40.464.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tính từ ngày 02/12/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Nay ông Trần Duy Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông Q không yêu cầu tính lãi và yêu cầu giải quyết như sau: buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Q số tiền nợ gốc là 40.464.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy Q yêu cầu bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thùy T. Đối với bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Trần Duy Q yêu cầu bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 40.464.000 đồng. Khi khởi kiện nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án

gồm:

[3.1] Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản ngày 10/5/2022, hợp đồng này thể hiện bên mua là ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông D và bà M có ký tên trên Hợp đồng mua bán ngày 10/5/2022 với bên bán là Hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản M1. Ngoài ra, trong hợp đồng mua bán này có thể hiện rõ năm sinh và địa chỉ của ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M.

[3.2] Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 02/12/2023 của H1 kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản M1, trong đó thể hiện tổng nợ còn lại là 40.464.000 đồng có chữ ký của khách hàng là ông Lê Văn D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng, ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ để ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[5] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa Hộ Kinh Doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản M1 với ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M chưa thanh toán cho ông Trần Duy Q số tiền mua bán 40.464.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Duy Q. Do đó, cần buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Q số tiền 40.464.000 đồng là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tính lãi từ ngày 02/12/2023 đến ngày 19/4/2024 là 1.534.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20/4/2024 đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể là nguyên đơn không yêu cầu tính lãi với bị đơn. Xét thấy, việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Q được chấp nhận nên ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: $40.646.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.032.300 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 288; Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy Q với bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy Q với bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Q số tiền mua bán còn nợ là 40.464.000 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới nộp 2.032.300 đồng (Hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

Ông Trần Duy Q được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003529 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

